

Bản án số: 93/2022/DS-ST
Ngày 21 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Hồ Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Địa chỉ: Số 40-42-44, Phạm Hồng T, Vĩnh Thanh V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thiện Thanh T, sinh năm 1984. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần K chi nhánh Cà Mau – Phòng Giao dịch Đàm Dơi (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2021), (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Duy Th. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Lê Thị B. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
3. Cháu Trần Chí Ng, sinh năm 2006.
4. Cháu Trần Chí L, sinh năm 2010.
5. Cháu Trần Thanh V, sinh năm 2018.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Ng, cháu L, cháu V là anh Trần Duy Th và chị Lê Thị B.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị L có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần K chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Đầm Dơi cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 271/19/HĐTD/2001-6966 ngày 16/5/2019; số tiền vay 140.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản; ngày giải ngân: 16/5/2019; thời hạn vay: 12 tháng; ngày đến hạn 16/5/2020; lãi suất vay: 13,10%/năm. Lãi suất vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay); lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả 10%; hình thức thanh toán: Lãi trả 03 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp dùng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết tại hợp đồng thế chấp số 369/17/HĐTC – BDS/2001-3682 ngày 15/9/2017: Quyền sử dụng đất tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, diện tích 16.455m² (đất thổ cư, nuôi tôm) thuộc thửa đất số 350, tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 928017 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 15/3/2002 do ông Trần Minh T đứng tên. Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Cà Mau công chứng ngày 15/9/2017 và tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/9/2017 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi theo đúng quy định pháp luật.

Kể từ ngày vay đến nay ông T, bà L chỉ thanh toán 01 kỳ lãi với số tiền 4.622.685 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 21/6/2022 ông T, bà L còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 214.813.806 đồng, trong đó: Nợ gốc: 140.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn là 74.813.806 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu ông T và bà L trả số tiền vay tính đến ngày 21/6/2022 là 214.813.806 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/6/2022 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy

đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu tài sản thế chấp nợ vay sẽ được tiến hành phát mãi theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Trần Minh T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2022 như sau:

Ông thống nhất có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng Kiên Long số tiền gốc là 140.000.000 đồng, ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị L cùng ký hợp đồng. Để đảm bảo khoản vay ông bà có thể chấp quyền sử dụng đất diện tích 16.455m² do ông đứng tên tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, ông thống nhất nội dung hợp đồng và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do điều kiện hiện nay khó khăn nên chưa trả được. Nay ông đồng ý trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, trường hợp không trả được nợ thì đồng ý phát mãi phần đất đã thế chấp để trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp cho cháu Trần Chí Ng, Trần Chí L, Trần Thanh V là Trần Duy Th, Lê Thị B: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng đương sự không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Dại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K, buộc ông T, bà L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 214.813.806 đồng và lãi suất tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 928017 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 15/3/2002 do ông Trần Minh T đứng tên để thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp cho cháu Trần Chí Ng, Trần Chí L, Trần Thanh V là anh Trần Duy Th, chị Lê Thị B đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ là 214.813.806 đồng, thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 271/19/HĐTD/2001-6966 thể hiện: Ngày 16/5/2019, bị đơn có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 140.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay: 13,10%/năm, lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả 10%; hình thức thanh toán: Lãi trả 03 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.

Xét thấy hợp đồng giữa Ngân hàng với bị đơn được ký kết trên tinh thần tự Ng, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Quá trình vay bị đơn còn nợ số tiền tính đến ngày 21/6/2022 là 214.813.806 đồng, trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi là 74.813.806 đồng.

Đối với bị đơn ông Trần Minh T thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, thống nhất số tiền nợ và đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng, bà L không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng, thấy rằng: Để đảm bảo khoản vay, bị đơn có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, diện tích 16.455m² thuộc thửa đất số 350, tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 928017 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 15/3/2002 đứng tên Trần Minh T theo hợp đồng thế chấp số 369/17/HĐTC – BDS/2001-3682 ngày 15/9/2017.

Việc các bên xác lập hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên được công nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là phù hợp và đúng quy định.

[3.3] Xét yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số

698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 214.813.806 đồng, trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, nợ lãi là 74.813.806 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[5] Đối với anh Th, chị B, cháu V, cháu L, cháu Ng là những người cùng ở trên phần đất thế chấp, quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T, bà L phải chịu là: 10.740.690 đồng.

Ông T, bà L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án theo quy định Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án đã thông báo cho ông T, bà L về việc làm đơn đề nghị miễn án phí nhưng đến thời điểm xét xử, ông T, bà L không nộp đơn đề nghị cho Tòa án nên không có cơ sở xem xét miễn án phí cho ông T, bà L.

Ngân hàng không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu. Ngân hàng Thương mại cổ phần K đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Buộc ông T, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Buộc ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền: 214.813.806 đồng (hai trăm mười bốn triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm lẻ sáu đồng).

2. Trường hợp ông T, bà L không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số: 271/19/HĐTD/2001-6966 ngày 16/5/2019 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, diện tích 16.455m² thuộc thửa đất số 350, tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 928017 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp ngày 15/3/2002 đứng tên Trần Minh T.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2022) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K 4.656.000 đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012167 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị L phải chịu 10.740.690 đồng (mười triệu bảy trăm bốn mươi nghìn sáu trăm chín mươi đồng (chưa nộp).

4.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông T, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nếu ông T, bà L chậm thi hành đối với các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T, bà L còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Ng thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

